TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ - PT.
Ngày 27 tháng 8 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Việt;

Bà Phùng Thị Ái Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang* - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:* Bà Tôn Thị Thanh Hương- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2019/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 11/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:33/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H - sinh năm 1990.
Nơi ĐKNKTT: xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ
(có mặt).
Chỗ ở hiện nay: xóm K, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị H - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đinh Minh Q - sinh năm 1983.
Địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Đinh Minh Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Thục L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã xung đột. Chị H và anh Q đã ly thân với nhau được 01 năm, nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thế A - sinh ngày 17/02/2009 và cháu Đinh Minh T - sinh ngày 08/4/2013. Hiện nay cháu Thế A đang ở cùng anh Q, cháu T đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cháu T và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình làm việc tại Tòa án thì chị H có làm đơn tự nguyện xin giao con với nội dung giao lại cả hai con chung là cháu A và cháu T cho anh Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng do chị H phải đi làm ăn xa và mong muốn các con chung được sống cùng nhau. Chị H sẽ cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Đinh Minh Q trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của bà Đinh Thị An là mẹ đẻ anh Q. Trong biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2019 bà An cho biết: Chị Đinh Thị H và anh Đinh Minh Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã T, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bà An tại xã T, chị H và anh Q chung sống hạnh phúc. Do hoàn cảnh kinh tế anh Q đi làm ăn xa ở các xã lân cận, chị H nhiều lần tự ý bỏ nhà đi và có quan hệ với người khác, việc này bà An biết nhưng đều giữ kín để cho gia đình hạnh phúc. Đến năm 2018 chị H bỏ đi làm ăn đến nay không về. Khi biết chị H ly hôn, anh Q đã gọi điện về cho bà An là anh nhất trí ly hôn. Bà An cũng cho biết vợ chồng chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Đinh Thế A - sinh ngày 17/02/2009 và cháu Đinh Minh T - sinh ngày 08/4/2013. Hiện nay cháu Thế A đang ở cùng anh Q và bà, cháu T đang ở cùng chị H. Hàng tháng anh Q vẫn gửi tiền đều đặn cho bà để bà chăm lo cho các cháu, anh Q đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp gì cho gia đình. Hiện nay anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đồng Cỏ, xã T và đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Gia đình nhận được đầy đủ giấy báo, thông báo và các văn bản tố tụng của Tòa án có chuyển đến anh Q để đến Tòa án làm việc nhưng anh Q có nói lại là do bận công việc không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Q.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ – ST ngày 29/5/2019 Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Đinh Minh Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Đinh Minh Q được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Đinh Thế A- sinh ngày

17/02/2009 và cháu Đinh Minh T - sinh ngày 08/4/2013 đến khi cháu A và cháu T thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận thi hành án.

Ngày 12/6/2019 chị Đinh Thị H có đơn kháng cáo với nội dung : Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đinh Minh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Đinh Minh Q và chị Đinh Thị H thỏa thuận: Anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Thế A- sinh ngày 17/02/2009 đến khi cháu Anh thành niên. Chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Minh T - sinh ngày 08/4/2013 đến khi cháu T thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm : Về tố tụng Hội đồng xét xử và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung : Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị H. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] .Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q và chị H đã thỏa thuận về việc nuôi con. Xét thấy thỏa thuận về nuôi con của anh Q và chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Do có tình tiết mới, tại phiên tòa đương sự tự nguyện thỏa thuận nên cần sửa bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung.

[2]. Bản án sơ thẩm bị sửa nên chị Đinh Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 4 Điều147, khoản 2 Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Công nhận sự thỏa thuận của anh Đinh Minh Q và chị Đinh Thị H. Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T về nuôi con chung.

1. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị H. Anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Thế A- sinh ngày 17/02/2009 đến khi cháu A thành niên. Chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Minh T - sinh ngày 08/4/2013 đến khi cháu T thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.Về án phí: Chị Đinh Thị H không phải chịu 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Chị H được trả lại 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001744 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án huyện T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Huyền